

UBND HUYỆN THANH OAI
TRƯỜNG MN CAO DƯƠNG

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2023 - 2024

ST T	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	- 100 % trẻ đến trường được cân đo, lên biểu đồ sức khỏe theo quy định. + Cân nặng: - Kênh BT: 100 % - Kênh SDD: 0 % + Chiều cao: - Kênh BT: 100 % - Kênh SDD: 0 %	- 100 % trẻ đến trường được cân đo, lên biểu đồ sức khỏe theo quy định. + Cân nặng: - Kênh BT: 98,3 % - Kênh SDD: 1,7 % + Chiều cao: - Kênh BT: 98,3 % - Kênh thấp còi: 1,7 %
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT.	- Chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT. - Ứng dụng phương pháp GD tiên tiến.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	+ Thói quen, hành vi: 97% trẻ có thói quen, hành vi, nề nếp đúng trong sinh hoạt và học tập. + Năng lực nhận thức: - Đạt yêu cầu độ tuổi: 88,7% - Chưa đạt yêu cầu độ tuổi: 11,3%	+ Thói quen, hành vi: 100% trẻ có thói quen, hành vi, nề nếp đúng trong sinh hoạt và học tập. + Năng lực nhận thức: - Đạt yêu cầu độ tuổi: 95,7% - Chưa đạt yêu cầu độ tuổi: 4,3% - Riêng khối MGL: + Đạt yêu cầu độ tuổi: 100% + Chưa đạt: 0%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác CSND và GD trẻ trong trường MN theo quy định của Bộ GD	Đảm bảo đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác CSND và GD trẻ trong trường mầm non theo quy định của Bộ GD

Cao Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

UBND HUYỆN THANH OAI
TRƯỜNG MN CAO DƯƠNG

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng	13-24 tháng	25-36 tháng	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	347	0	0	63	83	109	92
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	347	0	0	63	83	109	92
4	Số trẻ em KT học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	347	0	0	63	83	109	92
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	347	0	0	63	83	109	92
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	347	0	0	63	83	109	92
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	347	0	0	63	83	109	92
1	Số trẻ cân nặng bình thường				63	278		
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân				0	6		
3	Số trẻ có chiều cao bình thường				63			
4	Số trẻ SDD thể thấp còi				0	6		
5	Số trẻ thừa cân, béo phì				0	4		
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình GD nhà trẻ	63			63			
2	Chương trình GD mẫu giáo	284				83	109	92

Cao Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

UBND HUYỆN THANH OAI
TRƯỜNG MN CAO DƯƠNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin CSVC của trường năm học 2023 - 2024

ST T	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	14	18 m ² /trẻ em
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	Số điểm trường	02	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	4.770 m ²	13.8 m ² /trẻ em
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	28.680m ²	82.6m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	840m ²	2.4 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)		
4	Diện tích hiên chơi (m ²)		
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	60,m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	120m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	170 và 16	
VI I	Tổng số thiết bị, đồ dùng đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	300	21,42 bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định		
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu theo quy định		

VI II	Tổng số đồ chơi ngoài trời		Số 6 bộ/sân chơi
IX	Tổng số thiết bị điện tử - tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	20	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	15	1 cái/ lớp
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	5	Dùng chung
3	Máy in	6	Dùng chung
4	Thiết bị khác...		
5	Đồ chơi ngoài trời	8 cái	Chơi chung
6	Bàn học sinh	200	14cái/lớp
7	Ghế học sinh	400	1 cái/cháu
8	Bảng quay 2 mặt	2	Dùng chung
9	Giá phơi khăn	14	1 cái/ lớp
10	Tủ đồ dùng cá nhân	14	1 cái/lớp
11	Tủ để chăn chiếu	14	1 cái /lớp
12	Tủ cốc	15	1 cái/ lớp
13	Cốc uống nước	347	1 cái/cháu
14	Chăn	100	7 cái/lớp
15	Phản, giường ngủ của trẻ	347	24,7 cái/lớp
16	Gối	347	1 cái/cháu
17	Tủ cơm gas	1	
18	Bàn chia ăn	2	
19	Bàn sơ chế	3	
20	Bếp gas công nghiệp to	4 bếp đun	
21	Tủ xay bát công nghiệp	01	
22	Tủ lạnh	01	
23	Máy xay thịt	01	
24	Xe đẩy 2 tầng	04	
25	Thùng đựng gạo	1	

26	Giá đựng hàng kho inox	1	
27	Bát, thìa ăn cơm và bộ đồ dùng ăn uống	350	
28	Tủ đựng xoong nồi chia ăn của trẻ	2	
29	Bộ đồ xoong nồi, ấm chia đồ ăn chín của trẻ	14	
30	...V...V...V.....		

X	Nhà vệ sinh	Số lượng (m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	48m ²				
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0				

		Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XV	Tường rào xây	x	

Cao Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

UBND HUYỆN THANH OAI
TRƯỜNG MN CAO DƯƠNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023 - 2024**

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	Th S	Đ H	C Đ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và NV	45		1	27	13	4		3	21	12	14	31		
I	Giáo viên	32													
1	Nhà trẻ	7			5	1	1		1	5	1	1	6		
2	Mẫu giáo	25			19	5	1		1	16	8	10	15		
II	Cán bộ quản lý	3													
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1	1		
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2	2		
III	Nhân viên	10													
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán														
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1		1						
5	Nhân viên khác	1			1										
a	Nhân viên nuôi dưỡng	7				7									
b	Nhân viên bảo vệ	1					1								

Cao Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

UBND HUYỆN THANH OAI
TRƯỜNG MN CAO DƯƠNG
THÔNG BÁO CÔNG KHAI CÁC KHOẢN THU
NĂM HỌC 2023 – 2024

Căn cứ Nghị quyết 02/2024/NQ-HĐND ngày 29/3/2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội từ năm học 2023 – 2024;

Căn cứ công văn số 1948/UBND-TCKH ngày 15 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Thanh Oai V/v triển khai thực hiện các khoản thu năm học 2023 – 2024;

Thực hiện Kế hoạch số 167 /KHMNCD ngày 12/9/2023 kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 của trường mầm non Cao Dương .

Nhà trường thông báo công khai học phí và các khoản thu khác như sau:

TT	NỘI DUNG	Đơn vị tính	Số tiền
I.	THU THEO NĂM HỌC		
	- Tiền trang thiết bị đồ dùng bán trú	đồng/hs/năm	150.000đ/Trẻ/năm
	- Tiền học phẩm	đồng/hs/năm	150.000đ/Trẻ/năm
II.	THU THEO THÁNG		
	+ Học phí	Đồng/hs/tháng	75.000đ/T/T (Trẻ 5T) 95.000đ/T/T(Trẻ NT; MG 3T; 4T)
	+ Chăm sóc bán trú	Đồng/hs/tháng	150.000đ
	+ Tiền ăn:	Đồng/hs/ngày	25.000đ/trẻ/ngày
	+ Nước uống	Đồng/hs/tháng	12.000đ/trẻ/tháng

Nơi nhận:

- PGD&Đ Thanh Oai – Đề B/C
- CBGVNV và phụ huynh – để công khai
- Lưu VP

Cao Dương, ngày 28 tháng 6 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Phạm Thị Hoa